

Số: /KH-STNMT

Lạng Sơn, ngày tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH

Về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 08/6/2022 của UBND tỉnh về tổ chức thực hiện Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 08/6/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về tổ chức thực hiện Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai có hiệu quả Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát huy tính chủ động trong phòng, chống, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường; giảm thiểu suy thoái tài nguyên thiên nhiên; nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên; nâng cao năng lực quản lý môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh. Nâng cao ý thức, trách nhiệm các tầng lớp Nhân dân trong bảo vệ môi trường, tạo sự chuyển biến trong công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

2. Yêu cầu

- Các nội dung của kế hoạch được thực hiện nghiêm túc, chất lượng; gắn với trách nhiệm của phòng, đơn vị; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao của các phòng, đơn vị thuộc Sở.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn kịp thời giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện. Thực hiện tốt việc sơ, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện gắn với công tác khen thưởng, nhân rộng các mô hình điển hình hàng năm và giai đoạn theo yêu cầu của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường

a) Thực hiện phân vùng môi trường, nâng cao hiệu quả đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, quản lý dựa trên Giấy phép môi trường

- Thực hiện phân vùng môi trường phù hợp với định hướng phân vùng phát triển kinh tế - xã hội theo phương án quy hoạch tỉnh, tăng cường ngăn chặn, kiểm soát các hoạt động gây hại đến môi trường đặc biệt ở các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải.

- Yêu cầu các chủ đầu tư chấp hành nghiêm việc thực hiện các thủ tục về đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường theo quy định. Đối với những dự án đã có thủ tục môi trường, chủ đầu tư cần thực hiện nghiêm túc các nội dung, cam kết tại báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép.

b) Chủ động kiểm soát các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; ngăn chặn các tác động xấu đối với môi trường

- Phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo mức độ nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; tập trung kiểm soát nghiêm ngặt đối với nhóm cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, có lượng xả thải lớn.

- Yêu cầu các cơ sở thuộc đối tượng chấp hành nghiêm việc thực hiện quan trắc tự động phát thải theo quy định.

- Xây dựng và thực hiện theo lộ trình các giải pháp đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường cho khu dân cư đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kho tàng có chứa các chất dễ cháy, nổ, phóng xạ, độc hại, có nguy cơ tác động xấu đến sức khỏe con người, gây ô nhiễm nguồn nước.

- Ưu tiên bố trí quỹ đất xây dựng các công trình xử lý nước thải, chất thải rắn, hạ tầng kỹ thuật về môi trường trong tất cả các quy hoạch có liên quan.

- Kiểm soát chặt chẽ các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) và các chất nguy hại khó phân hủy (PTS). Xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp; khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; xử lý nghiêm các doanh nghiệp vi phạm, kiên quyết tạm đình chỉ hoạt động hoặc cấm hoạt động theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp vi phạm nghiêm trọng.

c) Chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các vấn đề môi trường xuyên biên giới

Thực hiện các biện pháp về ứng phó sự cố môi trường, sự cố hóa chất; tăng cường công tác quản lý an toàn hóa chất, phóng xạ.

2. Giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường; duy trì, cải thiện chất lượng và vệ sinh môi trường

a) Tăng cường kiểm soát ô nhiễm, duy trì và cải thiện chất lượng môi trường không khí ở các đô thị

- Lập và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh. Chú trọng triển khai việc thực hiện quan trắc chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường kiểm soát các cơ sở sản xuất tại các cụm công nghiệp, khu công nghiệp có nguồn khí thải lớn như: nhiệt điện, xi măng, sản xuất vật liệu xây dựng,... Yêu cầu các cơ sở thực hiện việc quan trắc tự động phát thải khí thải theo quy định.

b) Tăng cường quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Triển khai thực hiện mô hình thí điểm phân loại rác sinh hoạt tại nguồn, tiến tới triển khai đồng bộ thực hiện phân loại chất thải tại nguồn trên toàn tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cộng đồng về phòng ngừa, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn, hình thành lối sống thân thiện với môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý và kiểm soát chặt chẽ nguồn phát sinh, công tác thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, ít phát sinh chất thải nguy hại.

c) Tăng cường xử lý nước thải, đẩy mạnh kiểm soát, quản lý, bảo vệ môi trường nước và các lưu vực sông

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với các sông, hồ.

- Yêu cầu các cơ sở, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện nghiêm việc xử lý nước thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải. Yêu cầu các cơ sở thuộc đối tượng chấp hành nghiêm việc quan trắc phát thải nước thải tự động theo quy định.

- Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông, hồ là nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện nghiêm việc hạn chế khai thác nước dưới đất đối với những vùng hạn chế khai thác nước; thực hiện nghiêm quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân đặc biệt ở khu vực đông dân cư, sống gần các lưu vực sông, suối, ao, hồ thực hiện nếp sống văn minh, vệ sinh đô thị, đổ rác thải đúng nơi quy định, không xả thải các loại chất thải ra môi trường xung quanh và xuống lưu vực sông.

d) Xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, phục hồi các khu vực bị ô nhiễm hóa chất tồn lưu, bảo vệ môi trường đất

- Triển khai thực hiện các quy định về công tác kiểm soát ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật.

- Thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đất đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất các ảnh hưởng xấu đến môi trường đất.

đ) Tiếp tục cung cấp nước sạch, bảo đảm vệ sinh môi trường và ngăn chặn các yếu tố môi trường có hại cho sức khỏe con người

- Quản lý việc cấp phép khai thác, xả thải và sử dụng tài nguyên nước đảm bảo an toàn cấp nước; quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; giám sát các nguồn gây ô nhiễm nguồn nước.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động xả thải ra môi trường của các cá nhân, tổ chức nhằm bảo vệ nguồn nước, phòng ngừa các nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước; chỉ đạo việc khắc phục, xử lý kịp thời các sự cố, các vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước phục vụ công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh.

3. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thúc đẩy bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên

a) Bảo vệ môi trường các di sản thiên nhiên, mở rộng hệ thống các khu bảo tồn, các hành lang đa dạng sinh học

- Triển khai thực hiện các nội dung theo Công văn số 381/UBND-KT ngày 09/4/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện nội dung quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đánh giá tác động của các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đối với di sản thiên nhiên trong đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư, áp dụng cơ chế bồi hoàn đa dạng sinh học, đặc biệt đối với hệ sinh thái rừng và đất ngập nước.

b) Tăng cường bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ và phát triển nguồn vốn tự nhiên

- Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái thủy sinh, bảo vệ, khai thác và sử dụng nguồn nước. Thúc đẩy mạnh mẽ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước trong sản xuất, sinh hoạt.

- Tăng cường kiểm soát hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, kiểm soát các khu vực khoáng sản độc hại; kiểm soát, khắc phục ô nhiễm môi trường tại các khu vực khai thác, chế biến khoáng sản. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm các quy định về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

4. Chủ động bảo vệ môi trường để góp phần nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính

a) Tăng cường bảo vệ môi trường để giảm tính dễ bị tổn thương và nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu

- Lồng ghép các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án về bảo vệ môi trường.

- Triển khai thực hiện hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh.

b) Phát triển năng lượng tái tạo, nhiên liệu sạch, tăng cường quản lý tổng hợp chất thải rắn, bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái để giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính

Thực hiện quản lý tổng hợp chất thải rắn; thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải, xử lý/tiêu hủy kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế tối đa việc chôn lấp chất thải rắn; kiểm soát, giảm thiểu phát thải khí mê-tan từ các bãi chôn lấp chất thải rắn.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, cộng đồng và người dân

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về bảo vệ môi trường theo quan điểm coi “Môi trường là điều kiện, nền tảng, là yếu tố tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững”.

- Phát huy ý thức tuân thủ pháp luật, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội về môi trường của các doanh nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các tiêu chuẩn, cam kết tự nguyện về môi trường.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, truyền thông về môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng; mạng xã hội,... Nâng cao nhận thức, biến ý thức thành hành động về bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư. Hình thành và phát triển lối sống xanh, chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt trong quản lý chất thải và vệ sinh môi trường.

- Phát hiện, nêu gương, khen thưởng kịp thời, tạo dựng các phong trào, nhân rộng các điển hình, mô hình tốt về bảo vệ môi trường

2. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, quy định pháp lý về bảo vệ môi trường

Tham mưu xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của địa phương theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Hoàn thiện tổ chức bộ máy, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong bảo vệ môi trường

- Xây dựng bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ chuyên môn bảo đảm tính thống nhất, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở các văn bản quy định và hướng dẫn của Trung ương.

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính về môi trường nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.

4. Tăng cường thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường

- Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, áp dụng cơ chế thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm.

- Tăng cường cung cấp, công khai, minh bạch thông tin trong quản lý môi trường đến cộng đồng.

- Triển khai thực hiện hiệu quả quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin đường dây nóng về ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục giải quyết kịp thời các kiến nghị, phản ánh,... về các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Huy động đầu tư từ xã hội, tăng dần chi ngân sách, nâng cao tính hiệu quả trong sử dụng nguồn lực về bảo vệ môi trường

Huy động các nguồn lực, bao gồm nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa, các nguồn vốn đầu tư nước ngoài cho công tác bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu,...

6. Ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng hạ tầng kỹ thuật, mạng lưới quan trắc và cơ sở dữ liệu về môi trường

- Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; cải tiến, chuyển đổi công nghệ hiện có, áp dụng kỹ thuật công nghệ cao trong các ngành, lĩnh vực.

- Ứng dụng có hiệu quả các thành tựu của khoa học công nghệ, trong quản lý, theo dõi, kiểm tra, giám sát, quan trắc và cảnh báo về môi trường.

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính về môi trường.

- Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường thống nhất, đồng bộ, cập nhật, chia sẻ và được kết nối liên thông giữa các cấp, các ngành; bảo đảm thông tin môi trường được cung cấp kịp thời. Từng bước chuyển đổi, số hóa cơ sở dữ liệu, thông tin về môi trường.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về năng lượng tái tạo, tái sử dụng chất thải rắn, sử dụng chế phẩm an toàn sinh học vào đời sống của người dân địa phương, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường sinh thái.

(Có Phụ lục I - Các chỉ tiêu giám sát và đánh giá thực hiện; Phụ lục II- Các chương trình, Kế hoạch, Đề án thực hiện Kế hoạch gửi kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chi cục Bảo vệ môi trường: Chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch, tham mưu cho Sở đôn đốc các phòng, đơn vị triển khai thực hiện, tổng hợp báo cáo theo quy định.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính: Chủ trì tham mưu trình phê duyệt kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

3. Văn phòng Sở: Chủ trì tham mưu thực hiện xây dựng bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ chuyên môn bảo đảm tính thống nhất, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở các văn bản quy định và hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh; công tác cải cách hành chính liên quan.

4. Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì tham mưu xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường kết hợp trong xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Tài nguyên và Môi trường.

5. Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản: Tham mưu thực hiện về cấp phép khai thác, xả thải và sử dụng tài nguyên nước đảm bảo an toàn cấp nước; quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, quản lý khoáng sản.

6. Phòng Quản lý đất đai: Tham mưu công tác quản lý về đất đai liên quan đến các khu bảo tồn đa dạng sinh học; ưu tiên, quy hoạch, bố trí quỹ đất xây dựng các công trình xử lý nước thải, chất thải rắn, hạ tầng kỹ thuật về môi trường trong tất cả các quy hoạch có liên quan.

7. Thanh tra Sở: Chủ trì tham mưu thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

8. Trung tâm Tài nguyên và Môi trường: Tham mưu triển khai thực hiện tăng cường năng lực quan trắc môi trường.

Yêu cầu các phòng, đơn vị có liên quan trực thuộc Sở căn cứ các nội dung theo Kế hoạch này để triển khai, thực hiện báo cáo kết quả về Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Chi cục Bảo vệ môi trường) theo yêu cầu./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (đề B/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Cán bộ đầu mối theo dõi;
- Lưu: VT, BVMT.

GIÁM ĐỐC

Bùi Văn Côi